

Số: 670 /STNMT- QLDD

Điện Biên, ngày 22 tháng 8 năm 2018

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất

Kính gửi: Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập Hội đồng thẩm định Bảng giá đất tỉnh Điện Biên;

Thực hiện văn bản số 1236/STC-QLG ngày 10/8/2018 của sở Tài chính về việc thẩm định điều chỉnh bảng giá đất tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất tỉnh thẩm định điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất như sau:

Bổ sung khoản 4 vào Điều 2 Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

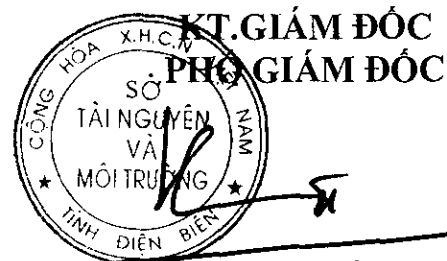
“4. Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm”.

Đối với các nội dung khác giữ nguyên như quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT, CCQLDD;



Phan Hiền

Số: /STNMT-QLĐĐ

Điện Biên, ngày 22 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH
Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất

Kính gửi: Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập Hội đồng thẩm định Bảng giá đất tỉnh Điện Biên;

Thực hiện văn bản số 1236/STC-QLG ngày 10/8/2018 của sở Tài chính về việc thẩm định điều chỉnh bảng giá đất tỉnh,

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất tỉnh thẩm định điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

* Lý do điều chỉnh, bổ sung.

- Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa quy định cụ thể giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn.

- Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Bổ sung Khoản 4 vào Điều 7 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất như sau:

“4. Giá đất trong khung giá đất, bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm”.

Để việc áp dụng bảng giá đất đúng với quy định của pháp luật về đất đai, việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất là cần thiết, đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

* Nội dung điều chỉnh, bổ sung.

Điều chỉnh, bổ sung khoản 4 vào Điều 2 Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, như sau:

“4. Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm.”

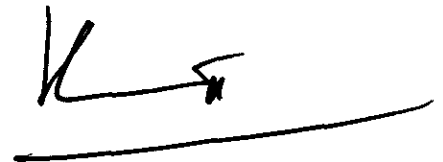
Đối với các nội dung khác giữ nguyên như quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo thuyết minh, trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT, CCQLDD;

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Hiền

Số: /2018/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 8 năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất
trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung khoản 4 vào Điều 2 Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, như sau.

“4. Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm”.

Đối với các nội dung khác giữ nguyên như quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban